

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 7 – 2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Huyền.

Ông Nguyễn Trọng Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 182/2026/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Số CCCD: 040180015024. Trú tại: Thôn L (Nay là thôn L), xã Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1978. Số CCCD: 040078013398. Trú tại: Thôn L (Nay là thôn L), xã Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 4 năm 2007 tại UBND xã L, huyện A (Nay là UBND xã Y), tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xích mích lẫn nhau. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa

phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng chị không còn sống chung với nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn H1.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên là Trần Văn Đ, sinh ngày 19/6/2006 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009. Nay cháu Trần Văn Đ đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lo được cho cuộc sống của mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con thứ hai Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009 hiện nay đang do anh Trần Văn H1 là người chăm sóc nuôi dưỡng nên ly hôn chị H tùy theo nguyện vọng của con và đồng ý cho anh Trần Văn H1 được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 không vay nợ cá nhân, tổ chức và không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Trần Văn H1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn trình bày ý kiến của anh Trần Văn H1 ngày 26/6/2026 có ý kiến như sau:

Về tình cảm: Anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị H có tìm hiểu tình cảm, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn ngày 10/4/2007 tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã Y, tỉnh Nghệ An). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân do quan điểm, tính cách không phù hợp, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng nên anh H1 và chị H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1, anh H1 đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh H1 và chị H có 02 người con chung tên là Trần Văn Đ, sinh ngày 19/6/2006 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009. Hiện tại, cháu Trần Văn Đ đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của mình còn cháu Trần Thị Minh T đang ở với anh H1 và ông bà nội tại thôn L

(nay là thôn L), xã Y, tỉnh Nghệ An. Ly hôn anh H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh H1 không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng chi phí nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận tự chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị H không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn H1 thường xuyên vắng mặt nơi cư trú và đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố đẻ ông Trần Quốc T1, sinh năm 1944, trú tại thôn L, xã Y, tỉnh Nghệ An và xác minh về quá trình kết hôn và chung sống, việc mâu thuẫn của anh H1 và chị H và thực tế và không còn chung sống với nhau, hiện nay con chung của vợ chồng cháu Trần Thị Minh T đang do anh H1 chăm sóc và sinh sống cùng tại gia đình ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H1; Về con chung: Cháu Trần Văn Đ đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của mình; Giao con chung Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009 cho anh Trần Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do anh H1 không yêu cầu; Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại thôn L (nay là thôn L), xã Y, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thông báo,

triệu tập theo thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án; Bị đơn không chấp hành các quyết định của Tòa án, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn trình bày ý kiến. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt theo đúng thủ tục cho nguyên đơn, người nhà của bị đơn (bố đẻ của bị đơn). Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Hoa đăng K kết hôn vào ngày 10/4/2007 tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã Y, tỉnh Nghệ An). Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xích mích lẫn nhau. Tại phiên tòa anh H1 vắng mặt nhưng có đơn trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Qua xác minh tại địa phương cho thấy giữa vợ chồng chị H và anh H1 đã không còn sống chung với nhau thời gian dài. Như vậy, chị H và anh H1 đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng. Xét thấy, giữa chị H và anh H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H1.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 có 02 người con chung tên là Trần Văn Đ, sinh ngày 19/6/2006 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009. Hiện tại, cháu Trần Văn Đ đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của mình, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Con thứ hai Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009 đang do anh H1 chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nuôi con chung, đồng ý cho anh H1 là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009. Xét thấy khi cha, mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất lẫn tinh thần. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của chị H, anh H1, cháu T hiện tại đang ở cùng anh H1 và ông bà nội tại thôn L (nay là thôn L), xã Y, tỉnh Nghệ An. Cháu T đã sống cùng bố và ông bà

16 năm, đã quen cuộc sống và nếp sống tại địa phương, có bạn bè, thầy cô thân thiết tại đây, đồng thời xét nguyện vọng của cháu T là được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn vì cháu đã quen với môi trường sống tại địa phương, không muốn thay đổi môi trường sống mà cháu đã quen thuộc. Như vậy việc giao cháu Trần Thị Minh T cho anh Trần Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và nguyện vọng của cháu T. Xem xét về điều kiện nuôi con thấy rằng anh H1 có đủ điều kiện để chăm sóc và giáo dục con, vì vậy việc giao con cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009 cho đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp, chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do anh H1 không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H1.

2. Về con chung: Con chung Trần Văn Đ, sinh ngày 19/6/2006 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của mình nên Hội đồng xét xử không xét. Giao con chung Trần Thị Minh T, sinh ngày 31/3/2009 cho anh Trần Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do anh H1 không yêu cầu. Vì lợi ích

mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu chị Nguyễn Thị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Anh Trần Văn H1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003983 ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Nghệ An; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 9 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Yên Xuân;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Hải

